

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025 □
(Kèm theo Thông báo số 18/TB-SNNMT ngày 02/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
SỞ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CHỈ TIÊU CỦA SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN I - Tổng số công chức, viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của Sở Nông nghiệp và Môi trường (tính đến 31/12/2025): 919 người = 91 chỉ tiêu. - Tổng số người đủ điều kiện, tiêu chuẩn: 91 người																	
1	Trịnh Văn Bình	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính	01.002	3/8	5,08		01/6/2023	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2025 tại Quyết định số 1317/QĐ-TTCP ngày 24/6/2025	4/8	5,42		01/6/2025	01/6/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	12 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Nguyễn Thế Phương	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính	01.002	3/8	5.08		01/01/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2023 tại QĐ số 1569/QĐ-BTNMT ngày 15/6/2023	4/8	5,42		01/4/2025	01/4/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Nguyễn Thị Hường	Chuyên viên chính, Văn phòng Sở	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,40		01/7/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT tại Quyết định số 1085/QĐ-BNN ngày 15/3/2021	2/8	4,74		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Đồng Ngọc Vĩ	Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,40		01/7/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2023 tại Quyết định số 503/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/01/2022	2/8	4,74		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phạm Đình Tứ	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính	01.002	5/8	5.76		01/01/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN&MT năm 2025 tại QĐ số 4797/QĐ-BNNMT ngày 14/11/2025	6/8	6,10		01/4/2025	01/4/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
6	Lê Anh Dũng	Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,40		01/7/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2021 tại Quyết định số 1649/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/5/2022	2/8	4,74		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Triệu Đăng Khoa	Phó Chi cục trưởng, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang	Kiểm lâm viên chính	10.225	5/8	5,76		01/02/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN&MT năm 2025 theo Quyết định số 4797/QĐ-BNNMT ngày 14/11/2025	6/8	6,10		01/5/2025	01/5/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Phạm Thanh Tùng	Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Khu vực XV, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên chính	10.225	3/8	5,08		01/10/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2023 tại Quyết định số 1571/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/4/2023	4/8	5,42		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Mường Kim Đức	Chuyên viên, Phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Chi cục Phát triển nông thôn và QLCL	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32		01/01/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2020 tại Quyết định số 1085/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/3/2021	8/9	4,65		01/4/2025	01/4/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Lê Thùy Linh	Phó Trưởng phòng Kinh tế hợp tác, Chi cục Phát triển nông thôn và QLCL	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,40		01/7/2023	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT năm 2020 tại Quyết định số 807/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/3/2020	2/8	4,74		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
11	Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt và BVTV	Chuyên viên	01.003	8/9	4,65		01/01/2023	Bảng khen của Bộ NN&PTNT năm 2022 tại Quyết định số 503/QĐ-BNN-TTCB ngày 26/01/2022	9/9	4,98		01/04/2025	01/04/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Hà Thanh Tùng	Kiểm lâm viên, phòng Điều tra, xử lý vi phạm về Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/01/2023	Bảng khen của Ban chỉ đạo Quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại Quyết định số 15/QĐ-BCĐ389 ngày 26/3/2024	8/9	4,65		1/4/2025	1/4/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Phùng Thế Hiệu	Trưởng phòng Địa chất khoáng sản và tài nguyên nước	Chuyên viên chính	01.002	2/8	4,74		16/3/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	3/8	5,08		16/6/2025	16/6/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Phạm Tiến Tài	Chuyên viên Phòng Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/11/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	6/9	3,99		01/02/2026	01/02/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Tô Hưng Khánh	Chuyên viên, Phòng Phát triển nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn và QLCL	Chuyên viên	01.003	6/9	3,99		01/9/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2023 tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	7/9	4,32		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
16	Lê Hải Nam	Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Kiểm dịch viên chính động vật	09.315	5/8	5,36	0,06	01/10/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 15/6/2025	6/8	5,70	0,06	01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	Dương Thị Hương	Kiểm dịch viên thực vật phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Chi cục Trồng trọt và BVTV	Kiểm dịch viên thực vật	09.319	8/9	4,65		01/12/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2024 tại Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 18/8/2024	9/9	4,98		01/3/2026	01/3/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Hoàng Thị Xuyên	Viên chức Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực III, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Khuyến nông viên chính hạng II	V.03.09.25	2/8	4,34		01/10/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2023 tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	3/8	4,68		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Ma Đức Tiệp	Kiểm dịch viên thực vật phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Chi cục Trồng trọt và BVTV	Kiểm dịch viên thực vật	09.319	5/9	3,66		01/9/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2024 tại Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	6/9	3,99		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	Kiểm lâm viên, phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	2/9	2,67		01/02/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2023 theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	3/9	3,00		1/5/2025	1/5/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
21	Hoàng Văn Bằng	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực I, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/12/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2023 tại Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	8/9	4,65		01/3/2026	01/3/2026	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Ma Công Tín	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực IV, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/3/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2023 tại Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	6/9	3,99		01/6/2025	01/6/2025	- Năm 2023:HTTNV, - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	Vũ Văn Giang	Phó trưởng phòng Địa chất, khoáng sản và Tài nguyên nước	Chuyên viên	01.003	8/9	4,65		01/11/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang năm 2021 tại Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	9/9	4,98		01/02/2025	01/02/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
24	Nguyễn Thị Hải Yến	Chuyên viên, Văn phòng Sở	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32		01/9/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2024 tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 15/12/2024	8/9	4,65		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	Nông Quốc Toán	Lái xe Văn phòng Sở	Nhân viên	01.005	9/12	3,49		01/7/2023	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	10/12	3,67		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
26	Nguyễn Viết Toàn	Chuyên viên phòng Kế hoạch-Tài chính	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32		01/7/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	8/9	4,65		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Trần Tiến Sơn	Nhân viên Lái xe, Văn phòng sở	Nhân viên	01.005	6/12	2,95		10/4/2026	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	7/12	3,13		10/10/2025	10/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Nguyễn Thị Minh Tân	Chuyên viên Phòng hành chính, Tổng hợp và Kinh tế đất	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/6/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	6/9	3,99		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
29	Trần Việt Long	Viên chức Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực I	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V03.04.11	8/9	4,65		01/11/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2023, 2024)	9/9	4,98		01/5/2026	01/5/2026	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025 HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Phan Văn Kim	Viên chức Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực I	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V03.04.11	5/9	3,66		01/7/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2023, 2024)	6/9	3,99		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025 HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
31	Đàm Ngọc Mai	Viên chức Trạm Chăn nuôi, thú y và Thủy sản khu vực V	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V.03.04.11	4/9	3,33		01/6/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	5/9	3,66		01/12/2025	01/12/2025	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTXSNV Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
32	Nguyễn Thị Là	Viên chức Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực I, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III	V03.01.02	7/9	4.32		01/04/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2023, 2024)	8/9	4.65		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
33	Đoàn Thị Nhàn	Chuyên viên phòng Quản lý xây dựng công trình và PCTT, Chi cục Thủy lợi	Cán sự	01.004	7/10	3,96		01/9/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	8/10	4,27		01/03/2026	01/03/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
34	Nguyễn Thị Vân	Kiểm lâm viên, Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/4/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	5/9	3,66		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
35	Bùi Thị Thanh Tinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	8/9	4,65		01/4/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	9/9	4,98		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
36	Nguyễn Quốc Biên	Phó Hạt trưởng, phụ trách Hạt Kiểm lâm khu vực XI, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên chính	10.225	3/8	5,08		01/02/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	4/8	5,42		01/8/2025	01/8/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
37	Đặng Thị Bích Hường	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trung tâm Nước sạch nông thôn	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32		01/4/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2023, 2024)	8/9	4,65		01/10/2025	01/10/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
38	Phạm Duy Tùng	Viên chức Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang	Quản lý Bảo vệ rừng viên	V.03.10.29	1/9	2,34		01/3/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2024, 2025)	2/9	2,67		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
39	Trần Mạnh Cường	Phó Chánh Văn phòng sở	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,40		1/7/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	2/8	4,74		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
40	Trần Hoài Nam	Kế toán Phòng hành chính, Tổng hợp và Kinh tế đất, Chi cục Quản lý đất đai	Kế toán viên	06.031	3/9	3,00		05/10/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	4/9	3,33		05/4/2026	05/4/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
41	Hoàng Văn Mạnh	Chuyên viên phòng Hành chính, tổng hợp, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		01/11/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	5/9	3,66		01/5/2026	01/5/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
42	Vũ Minh Thảo	Trưởng phòng Thú y- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Kiểm dịch viên chính động vật	09.315	2/8	4,34		01/12/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	3/8	4,68		01/6/2026	01/6/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Nguyễn Trung Sơn	Phó trưởng phòng Thú y - Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Kiểm dịch viên chính động vật	09.315	2/8	4,34		01/7/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	3/8	4,68		01/01/2026	01/01/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
44	Nguyễn Thị Hằng	Viên chức Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực VI	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V03.04.11	8/9	4,65		01/7/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	9/9	4,98		01/01/2026	01/01/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
45	Nông Xuân Trường	Phó trưởng Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực VI	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V03.04.11	7/9	4,32		01/9/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,56		01/3/2026	01/3/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
46	Nguyễn Thị Bích Huệ	Kế toán viên, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và thủy sản	Kế toán viên	06.031	6/9	3,99		01/12/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	7/9	4,32		01/6/2026	01/6/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
47	Đào Thị Hà Thu	Chuyên viên phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	09.319	7/9	4,32		01/6/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	8/9	4,65		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
48	Vì Thị Vân	Viên chức Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực VII, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III	V03.01.02	7/9	4,32		01/03/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/09/2025	01/09/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
49	Lèng Thị Huế	Văn thư viên trung cấp phòng Hành chính - tổng hợp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Văn thư viên trung cấp	02.008	3/12	2,26		01/3/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	4/12	2,46		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
50	Nguyễn Văn Quang	Kiểm lâm viên trung cấp, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số II, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	10/12	3,66		01/10/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	11/12	3,86		01/4/2026	01/4/2026	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
51	Trần Quang Hiệp	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực III, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023:HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
52	Phạm Thanh Tuấn	Phó Đội trưởng, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số II, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/5/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
53	Nông Hồng Quân	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực V, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/11/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/5/2026	01/5/2026	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
54	Đán Anh Tú	Kiểm lâm viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực XIV, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	7/12	3,06		01/8/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/12	3,26		01/02/2026	01/02/2026	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
55	Trần Thị Oanh	Nhân viên, Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	Nhân viên	01.005	10/12	3,12		01/8/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	11/12	3,30		01/02/2026	01/02/2026	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
56	Đào Xuân Phúc	Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số I, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/12/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		1/6/2025	1/6/2025	- Năm 2023:HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
57	Trần Việt Thắng	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực I, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/10/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		01/4/2026	01/4/2026	- Năm 2023:HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
58	Nguyễn Thị Oanh	Văn thư viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực II, Chi cục Kiểm lâm	Văn thư viên trung cấp	02.008	6/12	2,86		01/5/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	7/12	3,06		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
59	Sầm Quốc Tuấn	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực II, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	6/9	3,99		01/5/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	7/9	4,32		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2023:HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025:HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
60	Trương Đức Thọ	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực III, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/01/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/7/2025	01/7/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
61	Lưu Quang Hưng	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực III, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/01/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/7/2025	01/7/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
62	Triệu Ngọc Tương	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực III, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/01/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/7/2025	01/7/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
63	Nguyễn Đức Thắng	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực IV, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	6/9	3,99		01/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	7/9	4,32		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
64	Ma Văn Dũng	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực V, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/9/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		01/3/2026	01/3/2026	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
65	Hồ Hữu Tuyên	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực V, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/9/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/3/2026	01/3/2026	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
66	Trần Thị Thanh Hoà	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực V, Chi cục Kiểm lâm	Kế toán viên	06.031	2/9	2,67		01/6/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	3/9	3,00		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
67	Phan Thừa Hữu	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực VI, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
68	Quan Văn Tiến	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực VI, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/02/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/8/2025	01/8/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
69	Hoàng Văn Tuy	Kiểm lâm viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực VII, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	8/12	3,26		01/11/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	9/12	3,46		01/5/2026	01/5/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
70	Linh Văn Huy	Kiểm lâm viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực VII, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/10/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/4/2026	01/4/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
71	Nguyễn Thế Đông	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực IX, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		01/5/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
72	Đinh Thị Quý	Kế toán viên, Hạt Kiểm lâm khu vực X, Chi cục Kiểm lâm	Kế toán viên	06.031	5/9	3,66		01/8/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/02/2026	01/02/2026	- Năm 2022: HTTNV - Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
73	Hoàng Thị Huân	Kế toán viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực XI, Chi cục Kiểm lâm	Kế toán viên trung cấp	06.032	3/10	2,72		01/7/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	4/10	3,03		01/01/2026	01/01/2026	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
74	Nguyễn Trung Hải	Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm khu vực XII, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/5/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
75	Mai Đức Tuấn	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực XIII, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		01/5/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
76	Mai Thị Hiếu Thảo	Kiểm lâm viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực XIII, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	7/12	3,06		01/8/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/12	3,26		01/02/2026	01/02/2026	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
77	Viên Minh Thuần	Kiểm lâm viên trung cấp, Hạt Kiểm lâm khu vực XV, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	9/12	3,46		10/10/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	10/12	3.66		10/4/2026	10/4/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
78	Hoàng Tuấn Anh	Nhân viên lái xe, Hạt Kiểm lâm khu vực VIII, Chi cục Kiểm lâm	Nhân viên	01.005	8/12	3,31		01/6/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	9/12	3,49		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
79	Nguyễn Ngọc Oanh	Nhân viên Lái xe phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Điều phối XD NTM	Nhân viên	01.005	11/12	3,85		01/6/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	12/12	4,03		01/01/2025	01/01/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
80	Đặng Thị Mai	Viên chức phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Điều phối XD NTM	Văn thư	02.008	6/10	3,06	0,28	01/5/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	7/10	3,26	0,28	01/01/2026	01/12/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
81	Trần Thị Nhung	Viên chức Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ thuật viên kiểm nghiệm Thủy sản	V.03.08.24	8/12	3,26		01/10/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	9/12	3,46		01/4/2026	01/4/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
82	Ma Thị Hiếu	Viên chức Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm nghiệm viên chăn nuôi	V.03.07.20	5/9	3,66		01/6/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
83	Trần Thị Bích Hương	Viên chức phòng Hành Chính - Tổng hợp, Trung tâm Khuyến nông	Kế toán viên	06.031	7/9	4,32		01/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/9	4,65		01/09/2025	01/09/2025	- Năm 2023: HTSXNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
84	Trần Thị Sen	Viên chức phòng Hành Chính - Tổng hợp, Trung tâm Khuyến nông	Văn thư viên trung cấp	02.008	3/12	2.26		01/3/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	4/12	2.46		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
85	Vũ Thị Huyền	Viên chức phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Trung tâm Khuyến nông	Khuyến nông viên	V.03.09.26	2/9	2,67		03/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	3/9	3,00		03/09/2025	03/09/2025	- Năm 2023: HTSXNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng						Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau		Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày	Thời gian tính lương lần sau			
86	Hoàng Văn Dân	Viên chức BQL công trình cấp nước nông thôn, Trung tâm Nước sạch nông thôn	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	5/9	3,66		01/6/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	6/9	3,99		01/12/2025	01/12/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
87	Nguyễn Minh Lợi	Viên chức phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Nước sạch nông thôn	Lái xe	01.005	8/12	3,31		01/01/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2022, 2023, 2024)	9/12	3,49		01/7/2025	01/7/2025	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
88	Phan Văn Thắng	Viên chức Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình	Quản lý bảo vệ rừng viên	V.03.10.29	1/9	2,34		01/3/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	2/9	2,67		01/9/2025	01/9/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTXSNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
89	Nguyễn Thị Loan	Kế toán viên trung cấp, Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh	Kế toán viên trung cấp	06.032	8/12	3,26		01/10/2024	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	8/12	3,46		01/4/2026	01/4/2026	- Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
90	Trần Thị Đan	Viên chức Ban quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III	V.03.10.29	4/9	3,33		25/8/2023	- Có 03 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2023, 2024, 2025)	5/9	3,66		25/02/2026	25/02/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương đang hưởng					Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn					Kết quả đánh giá phân loại trong thời gian giữ bậc lương	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú	
			Ngạch/ Chức danh hiện hưởng	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian hưởng lương kể từ ngày				Thời gian tính lương lần sau
91	Trần Văn Quyết	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm khu vực XVI, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên	10.226	7/9	4,32		01/01/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (năm 2024, 2025); Năm 2025 được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tặng Giấy khen	8/9	4,65		01/6/2025	01/6/2025	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTXSNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	SỐ VIÊN CHỨC THUỘC ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN - Tổng số viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (tính đến 31/12/2025): 535 người = 53 chỉ tiêu - Tổng số người đủ điều kiện, tiêu chuẩn thuộc diện Giám đốc Sở quyết định: 02 người																
1	Đoàn Quốc Tinh	Phó Giám đốc, Văn phòng Đăng ký đất đai	Địa chính viên hạng II	V.06.01.01	3/8	5,08		01/8/2023	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang tại Quyết định số 1309/QĐ-CBND ngày 26/7/2023	4/8	5,42		01/11/2025	01/11/2025	- Năm 2023: HTXSNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	09 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Hoàng Đức Trường	Phó Giám đốc Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	6/9	3,99		01/9/2023	- Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2023, 2024)	7/9	4,32		01/3/2026	01/3/2026	- Năm 2023: HTTNV - Năm 2024: HTTNV - Năm 2025: HTTNV	06 tháng	- Đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tiêu chuẩn thành tích tương ứng đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 5, Quyết định số 1911/QĐ-SNNMT ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường